

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 82/2020/DS-PT

Ngày: 29 - 4 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hộ*”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng

Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2020/DSPT ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hộ*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Thúy H; sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thúy H: Ông T Không; sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bà Đỗ Thị G; sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị G:

+ Bà Nguyễn Thị Thúy H1; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

+ Ông T Không, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thúy H1; sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy H1: Ông T Không, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Bích P; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; (Vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích P: Ông Lê Công T; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

5. Ông Lê Công T2; sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ A; sinh năm 1964; ông Lê Thanh T3; sinh năm 1988;

Cùng trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Thanh T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thúy H trình bày:

Qua sự quen biết, giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thúy H1, bà Nguyễn Thị Mỹ A đã tham gia các dây huê do bà Trần Thị Thúy H làm chủ huê; sau khi đã được lĩnh huê, từ tháng 02/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ A ngưng góp huê và còn tranh chấp các khoản góp huê như sau:

Dây huê tháng, mở ngày 05/7/2017, gồm có 30 phần, mỗi phần trị giá 2.000.000 đồng, đến 05/12/2019 là kết thúc dây huê. Dây huê này, bà A đã góp được 03 kỳ “huê sống”; đến kỳ tháng 10/2017, bà A được lĩnh huê với mức lãi là 650.000 đồng/tháng; số tiền lĩnh huê 42.450.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà A đã góp “huê chết” mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 11/2017 đến tháng 01/2019 thì ngưng góp huê. Như vậy, bà A đã góp được 15 tháng và còn nợ 11 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = **22.000.000** đồng.

Dây huê tháng, mở ngày 05/01/2018, gồm có 42 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng; đến tháng 6/2021 mới kết thúc dây huê. Tháng 02/2018, bà A được lĩnh huê với mức lãi là 580.000 đồng/tháng; số tiền lĩnh huê là 60.220.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà A đã góp “huê chết” mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 03/2018 đến tháng 01/2019 thì ngưng góp huê. Như vậy bà A đã góp được 11 tháng và còn nợ 29 tháng x 2.000.000 đồng = **58.000.000** đồng.

Dây huê tháng, mở ngày 05/12/2018, gồm có 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng; đến tháng 7/2020 mới kết thúc dây huê. Kỳ tháng 01/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ A được lĩnh huê với mức lãi là 450.000 đồng/tháng; số tiền lĩnh 31.450.000 đồng. Sau lĩnh huê, bà A chưa góp được tháng nào. Như vậy, bà A còn nợ tiền góp huê 18 tháng x 2.000.000 đồng = **36.000.000** đồng.

Nay bà Trần Thị Thúy H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A còn phải góp huê của cả ba dây huê là **116.000.000** đồng; không yêu cầu tính lãi chậm góp huê hàng tháng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ A thừa nhận toàn bộ nội dung liên quan đến các dây huê trên; tuy nhiên, bà cho rằng tiền huê là góp theo hằng tháng nên bà chỉ trả theo hằng tháng, các dây huê trên bà chỉ nợ từ tháng 02/2019 nhưng bà H đã làm đơn kiện nên bà không chấp nhận trả nợ huê theo yêu cầu của nguyên đơn đưa ra, vì theo thông thường thì nếu người chơi chưa góp huê hằng tháng thì chủ huê phải bỏ tiền góp thay và đến khi chấm dứt dây huê, chủ huê mới được đòi nợ; do đó theo bà Nguyễn Thị Mỹ A thì bà Trần Thị Thúy H chưa có quyền khởi kiện đòi nợ huê.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị G trình bày:

Ngày 14/10/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A vay của bà Đỗ Thị G số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là khi nào bà G yêu cầu. Đến tháng 02/2019, do bà Nguyễn Thị Mỹ A nợ nhiều người và mất khả năng trả nợ nên bà G đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ A trả nợ. Tuy nhiên, bà Mỹ A không trả nợ. Nay bà G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A hoàn trả cho bà số tiền gốc là 40.000.000 đồng; tiền lãi từ tháng 02 đến nay theo thỏa thuận là 20% năm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ A thừa nhận có vay của bà G qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thúy H1, số tiền vay là 40.000.000 đồng, có viết giấy vay như bà G đưa ra. Về lãi, thực tế bà đã trả tiền lãi cho bà G thông qua bà H được 03 tháng (lãi tháng 11, 12/2018 và lãi tháng 01/2019) là 5.400.000 đồng theo thỏa thuận nhưng không ghi trong giấy tờ vay nợ và không có biên nhận trả lãi. Nay bà chỉ chấp nhận trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng.

Ngày 19/8/2019, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Mỹ A đã thay đổi nội dung hòa giải, yêu cầu được khấu trừ số tiền lãi vào số tiền gốc. Do sự thay đổi này, bà Đỗ Thị G cũng đề nghị Tòa án tính lãi theo mức cao nhất mà pháp luật cho phép.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ A còn nợ bà H các khoản như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 25/7/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A nhờ bà H1 cho vay một chân huê tháng 2.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị H2 là chủ huê gồm 36 người chơi nên bà đã lĩnh huê với số tiền 51.300.000 đồng với mức lãi 550.000 đ/tháng để cho bà A vay. Hai bên thỏa thuận vào ngày 08 hằng tháng và từ tháng 8/2018 trở đi, bà A phải trả bà H1 2.000.000 đồng/tháng để bà H1 góp “huê chết” cho đến khi đủ 34 tháng; Sau đó, bà A đã trả được 06 tháng; từ tháng 02/2019 trở đi bà A ngưng không góp huê. Như vậy, bà Mỹ A còn nợ 28 kỳ góp huê tháng, thành tiền là **56.000.000** đồng. Khoản vay này hai bên có lập văn bản ghi nhận số tiền vay, số tiền trả hằng tháng vào sau “Giấy mời phường”.

Khoản vay thứ 2: Ngày 11 tháng 9 năm 2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A tiếp tục nhờ bà H1 đi vay hộ 35.000.000 đồng với mức lãi 3% tháng, hẹn 10 ngày sau sẽ trả cả gốc và lãi tuy nhiên, bà Mỹ A không trả được nợ như đã hẹn mà xin

trả nợ lãi theo hằng tháng và đã trả được 04 tháng lãi là 4.200.000 đồng. Từ tháng 02/2019 đến nay, bà Nguyễn Thị Mỹ A không trả lãi cũng không trả gốc. Khoản vay này hai bên chỉ ghi nội dung số tiền vay, không ghi thời hạn trả nợ, lãi suất trong “Giấy vay tiền” ngày 11/9/2018. Nay bà H yêu cầu bà Mỹ A phải trả số tiền gốc là **35.000.000** đồng và lãi theo thỏa thuận từ 12/02/2019 trở đi.

Khoản nợ thứ 3: Bà Nguyễn Thị Mỹ A và bà Nguyễn Thị Thúy H1 cùng tham gia dây huê tháng 2.000.000 đồng do bà La Thị Mỹ (thôn Xóm Huế, xã Đ) làm chủ, dây huê có 27 người (tính cả chủ huê), bắt đầu đóng tiền tháng đầu cho chủ huê vào ngày 15/5/2018. Đến kỳ mở huê ngày 15/12/2018; do không được lĩnh huê ở kỳ mở huê này nhưng cần tiền nên bà Mỹ A và bà H đã thỏa thuận bà H1 “choàng huê” của bà Mỹ A với giá 36.000.000 đồng; ngược lại, bà Mỹ A phải góp “huê chết” cho bà H1 18 kỳ mở huê tiếp theo của dây huê, mỗi kỳ là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Mỹ A mới góp được tháng 01/2019 thì ngưng, không góp nữa. Nay bà H1 yêu cầu bà Mỹ A phải trả số tiền chưa góp của 17 kỳ (từ tháng 02/2019 đến tháng 6/2020) là **34.000.000** đồng.

Riêng khoản nợ thứ 4 mà bà H1 khởi kiện bổ sung, bà H1 đã rút yêu cầu khởi kiện bổ sung này là 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Mỹ A thừa nhận có 03 giấy biên nhận số tiền nợ trên, tuy nhiên nguồn gốc từng số nợ như sau:

Ngày 11/9/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A có vay của bà Nguyễn Thị Thúy H1 số tiền gốc 35.000.000 đồng (có viết giấy nợ); lãi thỏa thuận ngoài là 1.050.000 đồng tháng; đã trả xong lãi 04 tháng là 4.200.000 đồng (không có biên nhận).

Vào tháng 8/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A có nhận số tiền huê của bà H1 với số tiền là 51.300.000 đồng; mỗi tháng Nguyễn Thị Mỹ A phải đóng 2.000.000 đồng, đã đóng được 05 tháng = 10.000.000 đồng.

Ngày 15/12/2018, bà Nguyễn Thị Thúy H1 có chồng theo cho bà Nguyễn Thị Mỹ A 01 dây huê tháng gồm 27 người, số tiền bà Mỹ A được nhận là 36.000.000 đồng; hằng tháng, bà Nguyễn Thị Mỹ A phải đóng cho bà H1 2.000.000 đồng cho đến tháng 6/2020. Bà Mỹ A đã đóng tháng 01/2019 là 2.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Thị Mỹ A cho rằng tiền góp huê là theo hằng tháng, nên không chấp nhận trả một lần và chỉ khi nào chấm dứt dây huê thì bà H1 mới được đòi nợ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P và ông Lê Công T2 trình bày:

Vào ngày 20/5/2019, vợ chồng bà Phượng, ông T2 cho vợ chồng người em trai ông T2 là Lê Thanh T3, Nguyễn Thị Mỹ A vay 250.000.000 đồng để xây nhà; không tính lãi; thời hạn trả nợ là 02 năm. Do bà Mỹ A nợ nần nhiều, hơn nữa vợ chồng lại ly hôn nên nay ông bà yêu cầu ông Lê Thanh T3, bà Nguyễn

Thị Mỹ A phải trả số tiền vay trên.

Ông Lê Thanh T3, bà Nguyễn Thị Mỹ A thừa nhận số nợ trên. Nay ông bà đã ly hôn nhưng đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nên cả hai đều phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

Tại bản án số: 12/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2, 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Thúy H1 đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ A phải trả nợ vay 20.000.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2019.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H, bà Đỗ Thị G, bà Nguyễn Thị Thúy H1, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Lê Công T2;

2.1. Buộc Bà Nguyễn Thị Mỹ A trả nợ tiền góp huê cho bà Trần Thị H là 116.000.000 đồng; trong đó, phải thanh toán khoản tiền chậm góp huê của cả ba đây huê từ tháng 02/2019 đến thời điểm xét xử tháng 11/2019 là 60.000.000 đồng; tiếp tục phải trả tiền góp huê vào ngày 05 hằng tháng như sau: tháng 12/2019 phải góp trả 6.000.000 đồng; từ tháng 01/2020 đến tháng 7/2020 phải góp trả mỗi tháng là 4.000.000 đồng và từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021 mỗi tháng góp trả 2.000.000 đồng.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải trả bà Đỗ Thị G 42.656.000 đồng; trong đó, tiền gốc là 36.600.000 đồng; tiền lãi từ 14/01/2019 đến 27.11.2019 là 6.056.000 đồng.

2.3. Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A trả nợ bà Nguyễn Thị Thúy H1 103.704.000 đồng; trong đó, số tiền chậm trả tại thời điểm xét xử là 73.704.000 đồng; số tiền còn phải trả góp 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 25 hằng tháng, từ 25/12/2019 đến 25/7/2020 là 08 kỳ $\times 2.000.00 = 16.000.000$ đồng; số tiền còn phải trả góp 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 15 hằng tháng, từ 15/12/2019 đến 15/6/2020 là 07 kỳ $\times 2.000.00 = 14.000.000$ đồng.

2.4. Công nhận ông Lê Thanh T3, bà Nguyễn Thị Mỹ A còn có nghĩa vụ liên đới theo phần để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim P, ông Lê Công T2 số nợ vay là 250.000.000 đồng; mỗi phần là 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản lãi chậm thi hành án trên số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 16.251.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Trần Thị Thúy H phải chịu phần án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 226.000 đồng; được trả lại số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ án phí vào tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0013508 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc.

Buộc bà Đỗ Thị G phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 58.000 đồng; được trả lại số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ án phí vào tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0013506 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 1.607.000 đồng; được trả lại số tiền chênh lệch sau khi khấu trừ án phí vào tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0013553 ngày 19/6/2019 và AA/2017/0013507 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc.

Ông Lê Thanh T3 chịu 3.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bích P, ông Lê Công T2 không phải chịu án phí và được trả lại 6.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0013514 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 **Luật Thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11/12/2019, ông Lê Thanh T3 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định nhập 04 vụ án, có quan hệ tranh chấp khác nhau, thẩm quyền ban hành Quyết định nhập vụ án không đúng, mặt khác bị đơn ông T3, bà Mỹ A chưa vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nhưng trong bản án sơ thẩm lại tuyên buộc là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo ông Lê Thanh T3, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lắc để giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn kháng cáo của các bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh T3, về Quyết định nhập vụ án số 01/2019/QĐ-NVA ngày 26/7/2019 do Thẩm phán Bùi Văn Hưng ký, nhận thấy như sau:

[2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định nhập 04 vụ án, có quan hệ tranh chấp khác nhau, thành vụ án có Quyết định số 01/2019/QĐ-NVA ngày 26/7/2019 do Thẩm phán Bùi Văn H3 ký, xét về mặt thủ tục, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 47 BLTTDS quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án Tòa án, cụ thể về việc Chánh án ra quyết định và tiến hành hoạt động tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại Điều 48 BLTTDS thì Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án không có thẩm quyền ra quyết định nhập hoặc tách vụ án. Vì vậy, việc ký ban hành Quyết định nhập tách vụ án thuộc thẩm quyền của Chánh án, do đó Quyết định số 01/2019/QĐ-NVA ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc đã ban hành là không đúng theo quy định. Mặt khác, các đương sự, quan hệ tranh chấp trong các vụ án là khác nhau, và không liên quan với nhau, việc nhập vụ án sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án là vi phạm Điều 42 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định nhập vụ án là không chính xác.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thanh T3 cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng do ông có đơn thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, trước khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm mà không được HĐXX chấp nhận, nhận thấy:

Ngày 26/11/2019 bị đơn ông Lê Thanh T3 có đơn yêu cầu thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa gửi Tòa án cấp sơ thẩm đã thể hiện tại BL số 157 trong hồ sơ vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết khiếu nại trên. Đến ngày 27/11/2019 tại phòng nghị án, HĐXX sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và ra bản án sơ thẩm. Như vậy đương sự có đơn thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa trước khi xét xử sơ thẩm mà Chánh án Tòa án sơ thẩm chưa giải quyết khiếu nại trên là vi phạm Điều 56 BLTTDS.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Lê Thanh T3 yêu cầu hủy bản án dân sự số 12/2019/DSST ngày 27/12/2019 nhận thấy.

Tại giấy vay tiền ngày 20/5/2017 (BL 69) giữa bên cho vay là ông Lê Công T2, bà Nguyễn Thị Bích P và bên vay là ông Lê Thanh T3, bà Nguyễn Thị Mỹ A thể hiện: Ông T3, bà Mỹ A mượn ông T2, bà P với số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả là 02 năm (24 tháng), kể từ ngày 20/5/2017 và không có lãi suất. Ngày 03/4/2019 ông T2, bà P nộp đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu ông T3, bà A trả số nợ đã vay trước thời hạn, ngày 04/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án số 20/2019/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các bên và đưa vụ án ra xét xử, ngày 27/6/2019 công nhận việc ông Lê Thanh T3, bà Nguyễn Thị Mỹ A còn có nghĩa vụ liên đới theo phần để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim P, ông Lê Công T2 số nợ vay là **250.000.000** đồng; mỗi phần là 125.000.000 đồng. Như vậy bị đơn ông T3, bà Mỹ A chưa vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nhưng trong bản án sơ thẩm lại tuyên buộc là vi phạm.

Từ những nhận định [2.1], [2.2], [2.3] nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ chứng cứ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh T3, hủy toàn bộ Bản án số 12/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lắc để giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Thanh T3 được chấp nhận, nên ông T3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T3;

Hủy toàn bộ bản án số 12/2019/DSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lắc giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Lê Thanh T3 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013655 ngày 11/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện Lắc;
- Dương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng